

Bản án số:68/2023/HNGĐ-ST

Ngày:24/5/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hoà

2. Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thẩm trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí T cưới nhau một thời gian, cho đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do anh T không biết lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi và xua đuổi chị, nhiều lần như vậy nên chị về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ 2019 cho đến nay. Xét thấy không thể nào kéo dài cuộc sống vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 chung tên Nguyễn Chí L sinh ngày 24/02/1999, Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 10/3/2004 đã thành niên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T, mặc dù sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th trình bày thời gian ly thân vợ chồng không thỏa thuận việc đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi khi anh T đi uống rượu bia say về là đến nhà mẹ ruột chị đang sống chung (vì ở cùng Áp) chửi chị yêu cầu chị ly hôn, vì quá sức chịu đựng, nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị Th cương quyết xin được ly hôn, 02 con chung đã thành niên, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Chí T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Th ly hôn anh T. Về con chung, tài sản và nợ chung chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Th và anh T là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào năm 2002

là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Th và anh T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Th xin ly hôn anh T thì thấy rằng tại đơn khởi kiện cũng như tại biên bản ghi lời khai của chị Th thì năm 2019 chị Th và anh T ly thân do anh T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cự cãi, xua đuổi chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Thời gian ly thân chị Th và anh T không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi khi anh T đi uống rượu bia say về là đến nhà mẹ ruột chị đang sống chung, chửi chị, yêu cầu chị ly hôn, nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị Th cương quyết xin được ly hôn với anh T; về phía anh T mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa, không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng minh rằng anh T không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Th, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ anh T trình bày sau khi vợ chồng cưới nhau, do anh T không lo làm phụ nuôi con mà hay đi uống rượu bia say về kiếm chuyện cự cãi với chị Th, hiện tại vợ chồng đã ly thân, chị Th về sống chung với cha mẹ ruột, anh T không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án giải quyết.

Xét thấy chị Th cương quyết xin được ly hôn vì không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T là trầm trọng, cho nên Tòa cho chị Th và anh T đoàn tụ thì đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận cho chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Chí L sinh ngày 24/02/1999, Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 10/3/2004 đã thành niên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Th.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Chí T.
- Về con chung: Nguyễn Chí L sinh ngày 24/02/1999, Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 10/3/2004 đã thành niên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015623 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Kim;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh